

Số: 363/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 05 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 369/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 500/135/12 đường Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 5, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1983

Thường trú: Số 500/135/12 đường Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 5, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: Số 40/12 đường Lê Thị Hồng, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Lê Văn N và bà Trần Thị Bích T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65 quyền số 01/2001 ngày 13 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn Củ C, huyện Củ C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 16/4/2020; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/4/2020; ông Lê Văn N và bà Trần Thị Bích T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; bà Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 05/01/2009; việc cấp dưỡng

nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; người con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 13/01/2002 đã trưởng thành; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Lê Văn N và bà Trần Thị Bích T tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, mức cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn N và bà Trần Thị Bích T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 65 quyển số 01/2001 ngày 13 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thị trấn Củ C, huyện Củ C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Văn N và bà Trần Thị Bích T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Người con chung tên Lê Minh Khanh, sinh ngày 13/01/2002 đã trưởng thành

Bà Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Lê Minh H, sinh ngày 05/01/2009.

Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng. Ông Lê Văn N và bà Trần Thị Bích T, mỗi người chịu 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số

AA/2019/0025915 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn N và bà Trần Thị Bích T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND TT.Củ C, H.Củ C, TP.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Cúc